

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 07/6/2017
V/v Ly hôn giữa chị M và anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Doãn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phương Văn Tư;
2. Bà Nông Thị Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Nông Ích Bộ - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXX - ST ngày 23 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 03 Thị trấn TK – huyện Trùng Khánh – tỉnh Cao Bằng;

(Có mặt)

2. Bị đơn: Lục Quang Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 03 Thị trấn TK – huyện Trùng Khánh – tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay: Đang cải tạo tại Tổ 54, K1 Trại giam P, tỉnh T.

(Vắng mặt) có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày: Tôi (M) kết hôn với anh Đ vào ngày 24

tháng 11 năm 1999. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Sau khi cưới được khoảng 02 (Hai) tháng, thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Đ thường xuyên đánh đập tôi. Hai người có thời gian chung sống 12 (Mười hai) năm và đã có với nhau 02 (Hai) con chung. Con trai lớn tên Lục Tiến Đ, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2001 và con gái thứ hai tên Lục Thị Diệu Q, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2006. Hiện nay, cả hai con đều ở với chị M tại Tổ 03 Thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn là do: Anh Đ không biết lo làm ăn, nghiện ngập, thường xuyên đánh đập, hành hạ tôi vô cớ. Thậm chí còn dọa sẽ giết tôi khi anh ra tù. Hai người chính thức không còn chung sống với nhau từ năm 2011.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi (M) và anh Đ được ly hôn.

Về nuôi con chung: Hiện nay anh Đ đang cải tạo tại Trại giam P, tỉnh T không có điều kiện nuôi con chung. Tôi (M) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Có 01 (Một) căn nhà cấp bốn. Tôi (M) không yêu cầu chia để lại cho anh Đ sở hữu.

Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 24 tháng 4 năm 2017, bị đơn anh Lục Quang Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn M về thời điểm kết hôn, cơ sở kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian sống chung và con chung. Ngoài ra, anh Đ còn trình bày nguyên nhân chị M xin ly hôn với anh là do anh thường xuyên đánh đập chị vô cớ là chưa đúng. Anh Đ cho rằng thời điểm anh chưa đi trại cải tạo, việc nghiện ma túy là có. Tuy nhiên, việc anh đánh đập chị M là do chị đi vay nợ tiền người khác giấu anh, nên anh mới hành động như vậy. Đối với việc dọa sẽ giết chị sau khi ra tù là hoàn toàn không có.

Ngoài ra, anh Đ cho biết, chị M có đi thăm nuôi trong khoảng 03 năm đầu, sau thưa dần. Đến tháng 3 năm 2015, vợ chồng chính thức cắt đứt quan hệ.

Nay chị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn; Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ nhất trí giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do anh đang cải tạo, không có thu nhập nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung: Không có.

Tại thời điểm hiện nay, anh Đ đang cải tạo tại Trại giam P, tỉnh T, không có điều kiện tham gia phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện TK cũng đã tiến hành lấy lời khai đối với người có quyền và lợi ích được bảo vệ: Lục Tiến Đ, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2001 và cháu Lục Thị Diệu Q, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2006. Nguyên vọng của các cháu là đều muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn; Về con chung chị giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK phát biểu quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện cả hai có quan hệ vợ chồng và đều nhất trí ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị là có căn cứ.

- Về nuôi con chung: Chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Tại Biên bản lấy lời khai, anh Đ cũng nhất trí giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Do đó, cần xem xét chấp nhận yêu cầu của chị là có căn cứ.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với anh Lục Quang Đ.

- Chấp nhận cho chị được nuôi cháu Lục Tiến Đ, sinh 22 ngày 6 tháng năm 2001 và cháu Lục Thị Diệu Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 và không yêu cầu anh Đà cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Mai phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TK.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ kết hôn vào ngày 24 tháng 11 năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có giấy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng ngày 30 tháng 7 năm 2001. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Xét về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã sống chung hơn 12 năm và đã có với nhau 02 con chung. Nhưng hiện nay, tình cảm chị M dành cho anh Đ là không còn, chị M tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 4 năm 2017, anh Đ cũng nhất trí đồng ý ly hôn với chị M. Anh xác nhận có nghiện ma túy và việc có hành vi đánh đập chị là do chị đi vay nợ tiền người khác giấu anh nên anh mới hành động như vậy. Còn việc anh dọa sẽ giết chị M sau khi ra tù là hoàn toàn không có. Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và anh Đ cũng nhất trí ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu xin ly hôn của chị.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh Đ đều xác nhận, trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung Lục Tiến Đ, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2001 và Lục Thị Diệu Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006. Hiện nay, các cháu đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy yêu cầu của chị và ý kiến của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, nguyện vọng của các cháu Đ, Q là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung Lục Tiến Đ và Lục Thị Diệu Q cho chị M nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc khi anh Đ có yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị M và anh Đ đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho Nguyễn Thị M và Lục Quang Đ được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao Lục Tiến Đ, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2001 và Lục Thị Diệu Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2006 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc khi anh Đ có yêu cầu. Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chi đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00903 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND Thị trấn TK;
- Hai bên đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Doãn Trường